

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/DS-ST
Ngày 23 - 02 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 425/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Ngọc L – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Ông Trần Thanh Q – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 3828/2024/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024).

Người đại diện hợp pháp của ông Q: Chị Lê Thị L1 – Chuyên viên Phòng khách hàng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 159/QĐ-BIDV.CM ngày 20/01/2026) (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: ấp 10, xã KA, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: ấp TH, xã TAK, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: ấp 10, xã KA, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện Ngân hàng trình bày: Ngày 09/11/2023, anh P và chị M ký hợp đồng tín dụng số 223/2023/21976067/HĐTD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Cà Mau để vay số tiền 250.000.000đ; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi 9,5%/năm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Kỳ điều chỉnh đầu tiên ngày 01/01/2024; lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 5%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân.

Để đảm bảo cho khoản vay, anh P và chị M thế chấp phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL527443 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp cho anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M ngày 03/7/2023.

Tính đến ngày 05/8/2025, anh P và chị M còn nợ ngân hàng tiền gốc là 183.120.000đ, lãi 7.861.979đ, tổng cộng 190.981.979đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh P và chị M trả số tiền 190.981.979đ, lãi phát sinh và xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp anh P, chị M không thanh toán nợ cho ngân hàng.

Đối với anh Nguyễn Thanh P, chị Phạm Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh, chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, buộc anh P và chị M trả cho ngân hàng số tiền 201.660.474đ; đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng

kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp anh P, chị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng; chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam khởi kiện anh Nguyễn Thanh P, chị Phạm Thị M là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh P, chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh P và chị M có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để vay số tiền 250.000.000đ. Đồng thời, anh chị có ký kết tiếp hợp đồng thế chấp tài sản đổi là phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DL527443 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp cho anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M ngày 03/7/2023 để đảm bảo cho các khoản vay với Ngân hàng là thực tế có xảy ra.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, chi phí phát sinh khi ngân hàng xử lý tài sản, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và anh P, chị M nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 23/02/2026, anh P, chị M còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 183.120.000đ, lãi cộng dồn 17.108.342đ; lãi phạt gốc quá hạn 1.018.565đ, lãi phạt lãi 413.567đ, tổng cộng 201.660.474đ. Như vậy, việc anh P, chị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của ngân hàng về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp anh P, chị M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét về án phí dân sự và chi phí tố tụng: Anh P và chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với anh P, chị M: Mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện của ngân hàng, nhưng không phản đối bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10 tháng 07 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

1. Buộc anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền vốn 183.120.000 đồng (một trăm tám mươi ba triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), lãi cộng dồn 17.108.342 đồng (mười bảy triệu một trăm lẻ tám ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng); lãi phạt gốc quá hạn 1.018.565 đồng (một triệu không trăm mười tám ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng), lãi phạt lãi 413.567 đồng (bốn trăm mười ba ngàn năm

trăm sáu mươi bảy đồng), tổng cộng 201.660.474 đồng (hai trăm lẻ một triệu sáu trăm sáu mươi ngàn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là phần đất thuộc thửa số 1022, tờ bản đồ số 21 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL527443 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau cấp cho anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M ngày 03/7/2023 tại ấp 10, xã KA, huyện UM, tỉnh Cà Mau (nay là ấp 10, xã KA, tỉnh Cà Mau) để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ngân hàng 4.774.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004531 ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

4.2. Anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.083.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Thanh P và chị Phạm Thị M phải có nghĩa vụ nộp số tiền 500.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu anh Nguyễn Thanh P, chị Phạm Thị M chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Phong, chị Mạnh còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh